TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 219/2023/ HNGĐ-ST
Ngày: 12/4/2023
V/v Tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Thái Sơn.
2. Bà: Lê Ngọc Như Chi.

Thư ký phiên toà: Bà PhạmThùy Vân – Thư ký Toà án nhân dân Quận 6.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Anh Đào – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12/4/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 6 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 534/2022/TLST-HNGĐ ngày 04/10/2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1979; Địa chỉ tạm trú: 205 đường L , Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt theo đơn xin vắng)

- Bị đơn: Bà Trần Thị Kim Q, sinh năm 1980; Địa chỉ tạm trú: 205 đường L, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/8/2022 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Trần Văn H trình bày:

Ông H vào thành phố Hồ Chí Minh từ năm 1994 để đi học. Khoảng năm 2000, qua bạn bè giới thiệu, ông H và bà Trần Thị Kim Q quen biết nhau, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2001, đăng ký kết hôn ngày 23/9/2002 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 84, quyển số 01-2002 do UBND xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi cấp.

Sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà trọ sống ở nhiều nơi, vợ chồng sống hạnh phúc, bà Q bán hủ tiếu còn ông H đi làm theo tàu biển khoảng 06 tháng về nhà 01 lần. Đến năm 2015 vợ chồng về ở tại 205 đường L, Phường X, Quận Y, ông H đi làm tài xế theo ca, bà Q vẫn bán hủ tiếu vợ chồng vẫn hạnh phúc. Đến khoảng giữa

năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bà Q hay nghỉ bán, tụ tập bạn bè từ sáng đến tối đi đâu không nói với ông H, bỏ mặc con cái, gia đình. Ông H có góp ý, khuyên nhủ nhưng bà Q không nghe, vợ chồng còn xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn càng trầm trọng hơn, từ năm 2017 khi bà Q không buôn bán nữa, thường xuyên vắng nhà, có khi 2,3 ngày mới về nhà, ông H có hỏi đi đâu bà Q cũng không trả lời. Mọi vấn đề kinh tế gia đình, nuôi dạy con cái đều do ông H lo liệu. Ông H đã góp ý rất nhiều lần nhưng bà Q không thay đổi nên từ năm 2018 đến nay, dù ở chung nhà nhưng vợ chồng không còn nói chuyện, không còn quan tâm nhau. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông H xin ly hôn với bà Trần Thị Kim Q.

Về con chung: Có 02 con chung gồm Trần Minh Q, sinh ngày 24/02/2003 (đã thành niên) và trẻ Trần Minh Tỷ P, sinh ngày 22/01/2013 hiện ông H đang nuôi dưỡng. Ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là trẻ Trần Minh Tỷ P, không yêu cầu bà Trần Thị Kim Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Ông Trần Văn H đồng ý nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn là bà Trần Thị Kim Q vắng mặt, không có bản tự khai.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Q vắng mặt, ông H có đơn xin vắng mặt và không có đơn rút yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với bà Trần Thị Kim Q.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình từ khi tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường X, Quận Y, bà Trần Thị Kim Q có hộ khẩu thường trú và thực tế cư trú tại Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh. Nay ông H có đơn xin ly hôn nên Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý và giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, ông Trần Văn H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bà Trần Thị Kim Q vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn H và bà Trần Thị Kim Q tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn ngày 23/9/2002 theo Giấy chứng nhận kết hôn số

84, quyển số 01-2002 do UBND xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi cấp. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau....Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau…. "; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "…Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng,

Theo ông H thì ông H và bà Q phát sinh mâu thuẫn từ giữa năm 2016, do bà Q hay tụ tập bạn bè đi đâu không nói với ông H. Từ năm 2017, bà Q vắng nhà thường xuyên hơn, hai hoặc ba ngày bà Q mới về nhà, bỏ mặc con cái, gia đình, dù ông Hùng đã khuyên nhủ nhưng bà Q không thay đổi.

Về phía bà Trần Thị Kim Q, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý cho bà Q về việc ông H có đơn yêu cầu ly hôn bà Q. Tuy nhiên, từ khi nhận thông báo thụ lý đến nay bà Q không có văn bản gửi Tòa án về ý kiến của mình đối với yêu cầu của ông H, cũng không đến Toà án để tham dự hòa giải mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Cho thấy mối quan hệ giữa ông H và bà đã không còn gắn bó; Từ năm 2018 đến nay, dù ở chung nhà nhưng ông Hu và bà Q không nói chuyện, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; Bà Q không còn tha thiết đến tình cảm vợ chồng, không quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng; phía ông Trần Văn H vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận yêu cầu của ông Hùng là thỏa đáng.

[3]Về con chung: Ông H và bà Quy có 02 con chung gồm Trần Minh Q, sinh ngày 24/02/2003 (đã thành niên) và trẻ Trần Minh Tỷ P, sinh ngày 22/01/2013 hiện ông H đang nuôi dưỡng. Ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là trẻ Trần Minh Tỷ P và không yêu cầu bà Trần Thị Kim Q cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng, ông H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung chưa thành niên đến nay, đủ điều kiện về mọi mặt để lo cho con và phù hợp với nguyện vọng của trẻ nên chấp nhận yêu cầu của ông Hùng, giao con chung chưa thành niên là trẻ Trần Minh Tỷ P cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông H không yêu cầu bà Trần Thị Kim Q cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

[5] Về nợ chung: Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

[6] Về án phí: Ông Trần Văn H phải chịu án phí theo quy định tại điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39,điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016).

TUYÊN XỬ:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Văn H đối với bà Trần Thị Kim Q.

Giấy chứng nhận kết hôn số 84, quyển số 01-2002 do UBND xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 23/9/2002 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là trẻ Trần Minh Tỷ P, sinh ngày 22/01/2013 cho ông Trần Văn H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Trần Thị Kim Q có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

3/ Về tài sản chung: Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

4/ Về nợ chung: Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn H phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông H đã nộp theo biên lai thu số 0012459 ngày 04/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, TP. Hồ Chí Minh.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6;
-UBND xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Kim Thương